TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 19/12/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Thanh Tân.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2017/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 08 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phạm Trung T, sinh năm 1993, cư trú: số 886/9F, khóm TK6, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Bà Trần Hồng Q, sinh năm 1997, cư trú: số 499/10A, tổ 14, khóm TK3, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 08 năm 2017, bản khai ngày 11 tháng 10 năm 2019 trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phạm Trung T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Phạm Trung T và bà Trần Hồng Q do quen biết nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 186/2015 ngày 09 tháng 10 năm 2015 do Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố LX, tỉnh AG cấp cho ông Phạm Trung T và bà Trần Hồng Q. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp, xung đột xảy ra hằng ngày, bà Q tự ý bỏ nhà đi từ tháng 07 năm 2017 cho đến nay, không quan tâm, chăm sóc gia đình, chồng con. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T không còn yêu thương gì đối với bà Q, nên yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà Q.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Phạm Trần Lê V, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015 (nữ). Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết, bị đơn bà Trần Hồng Q vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông T và không đưa ra yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Ông Pham Trung T có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31 tháng 10 năm 2019, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Hồng Q.

Bà Trần Hồng Q vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn ông Phạm Trung T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị đơn bà Trần Hồng Q vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án: Ông T và bà Q đăng ký kết hôn năm 2015. Giữa ông T và bà Q phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa ông T và bà Q đi đến trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Q là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, cháu Phạm Trần Lê V, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015 hiện đang được ông T chăm lo tốt, có nơi ở ổn định và để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho con chung là phù hợp quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông T được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc cấp dưỡng nuôi con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, ông T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét đến. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông Phạm Trung T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 31 tháng 10 năm 2019. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định pháp luật. Riêng đối với bà Trần Hồng Q, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên

tòa, bị đơn bà Trần Hồng Q vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Ông Phạm Trung T và bà Trần Hồng Q trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố LX, tỉnh AG theo giấy chứng nhận kết hôn số 186/2015 ngày 09 tháng 10 năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, ông T và bà Q phát sinh mâu thuẫn, ông T xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 07 năm 2017, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, bà Q tự ý bỏ chồng con ra đi, không quan tâm chăm lo cho gia đình, không yêu thương chồng con và đã ly thân từ tháng 07 năm 2017. Trong thời gian sống chung ông T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Q.

[4] Xét, hôn nhân giữa ông T và bà Q mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông T không còn tình cảm với bà Q , không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình, chăm lo con cái. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà Q vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T tức là bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của bà Q. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà Q.

[5] Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có một con chung tên Phạm Trần Lê V, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015. Hiện nay, con chung đang sống ổn định với ông T, được ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Việc cháu V sống chung với ông T, bà Q không có ý kiến. Do đó, xét cần thiết giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu của ông T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông T không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, nếu có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu có.

[6] Trong thời gian sống chung vợ chồng, ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Phạm Trung T nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 179, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Trung T được ly hôn với bà Trần Hồng Q.

Về quan hệ con chung: Ông Phạm Trung T và bà Trần Hồng Q có một con chung tên Phạm Trần Lê V, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015. Ông Phạm Trung T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Trần Hồng Q không cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không yêu cầu. Ông Phạm Trung T phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Trần Hồng Q được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Trung T nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018510 ngày 24 tháng 08 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T đã nộp đủ.

Ông Phạm Trung T, bà Trần Hồng Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông T, bà Q.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND TPLX;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phương